

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Như Thủy

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

- Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần DV, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn NC, xã HS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Bà Trần TL, sinh năm 1980

Địa chỉ: Châu XT, BDN, TB, Quảng Nam

Cùng tạm trú địa chỉ: Số AA đường HH, Tổ 27, Khu phố 2, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Trần DV, bà Trần TL có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Đình Vinh trình bày:

Ông và bà Trần TL qua thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy đăng ký kết hôn số 101/2005 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 29/09/2005)

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm, sau đó xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do quan điểm sống, cách sống, về tiền bạc, thường cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau, cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, nhưng không thành, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn.

Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, ông và bà Trần TL đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Trần TL.
- Về con chung: Có 02 người con chung: Trần QA (nữ), sinh ngày 23/02/2009 và Trần PA (nữ), sinh ngày 20/03/2011

Ông đồng ý giao hai (02) con chung cho bà Trần TL trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 6.000.000 đồng/tháng /02 con chung, cho đến khi 2 trẻ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Ông cam kết việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Bị đơn bà Trần TL: Tại bản tự khai ngày 26/4/2021, bà trình bày ý kiến:

Bà và ông Trần DV qua thời gian tìm hiểu được 03 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2005).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Trần DV không quan tâm đến vợ con, nhiều lần đánh đập vợ con, nhưng vì thương chồng con, bà vẫn cố gắng tiếp tục chung sống. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục các mâu thuẫn để cùng lo cho con cái, nhưng không có kết quả, ông Trần DV tự dọn ra ngoài ở, tự sống ly thân hơn 01 năm nay. Bà không làm gì sai, nay ông Trần DV yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung: Trần QA (nữ), sinh ngày 23/02/2009 và Trần PA (nữ), sinh ngày 20/3/2011,

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung, yêu cầu ông Trần DV cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)tháng/2 trẻ; vì hiện bà đang ở trọ, cấp dưỡng như vậy lo cho 2 con.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có.
- Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bà cam kết việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần DV, bị đơn bà Trần TL đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án **hôn nhân gia đình**: Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Với các chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trần DV

Về án phí: Ông Trần DV phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần DV yêu cầu ly hôn với bà Trần TL, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà Trần TL hiện đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Trần DV, bị đơn bà Trần Thị Liên có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Trần DV, bị đơn bà Trần TL theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Xét về yêu cầu ly hôn của ông Trần DV:

Ông Trần DV và bà Trần TL có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy đăng ký kết hôn số 101/2005 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 29/09/2005), nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông Trần DV, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống, cách sống, về kinh tế, nên vợ chồng thường cãi vã không tôn trọng lẫn nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, ông và bà Trần TL đã sống ly thân hơn 01 năm nay, ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần TL.

Theo lời trình bày của bà Trần TL, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Trần DV không quan tâm đến vợ con, gia đình, nhưng vì thương chồng con nên, bà vẫn cố gắng tiếp tục chung sống. Bà không làm gì sai, bà cũng thừa nhận đã sống ly thân hơn 01 năm nay, bà đồng ý ly hôn với ông Trần DV.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Trần DV, bà Trần TL là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế cả hai bên không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay, mặc khác bà Trần TL cũng đồng ý ly hôn với ông Trần DV, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần DV.

[2.2] Xét về con chung: Ông Trần DV và bà Trần TL xác nhận có hai con chung: Trần QA (nữ), sinh ngày 23/02/2009 và Trần PA (nữ), sinh ngày 20/3/2011.

Ghi nhận ý kiến của ông Trần DV đồng ý để bà Trần DV được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 trẻ 02 người con chung: Trần QA (nữ), sinh ngày 23/02/2009 và Trần PA (nữ), sinh ngày 20/3/2011

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con là trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha và mẹ của đối với các con, do đó ông Trần DV và bà Trần TL đều phải có trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung sau khi ly hôn, với yêu cầu của bà Trần TL, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào mức lương hiện nay của ông Trần DV thì tổng thu nhập hàng tháng của ông Trần DV trung bình là từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng (theo bản sao kê tài khoản do ông Trần DV cung cấp), việc yêu cầu cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng cho 2 trẻ của bà Trần TL là không phù hợp so với thu nhập hiện nay của ông Trần DV, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc cấp dưỡng 6.000.000 đồng/ tháng/ 2 trẻ của ông Trần DV, không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng 10.000.000 đồng/ tháng /2 trẻ của bà Trần TL.

[2.4] Về tài sản chung: Ông Trần DV và bà Trần TL xác định không có.

[2.5]. Về nợ chung: Ông Trần DV và bà Trần TL xác định không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Trần DV phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn ông Trần DV, bị đơn bà Trần TL

[2]. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần DV

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần DV được ly hôn bà Trần TL (Giấy đăng ký kết hôn số 101/2005 do Ủy ban nhân dân phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 29/09/2005 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Có hai (02) con chung: Trần QA (nữ), sinh ngày 23/02/2009 và Trần PA (nữ), sinh ngày 20/3/2011.

Ghi nhận việc ông Trần DV đồng giao bà Trần TL được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 trẻ 02 người con chung:

Ông Trần DV có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng /tháng/2 trẻ (3.000.000 đồng/tháng/ trẻ). Bắt đầu thi hành từ tháng 2/2022, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần DV có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần DV phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên

lai thu số AA/2019/0042403 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần DV đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần DV, bị đơn bà Trần TL có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- C/c THA DS Quận 7;
- UBND phường Tân Quy, Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Như Thủy